

Số: /SGDDĐT- GDTrH
V/v hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Các trường trung học phổ thông;
- Các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Các trung tâm GDNN-GDTX;
- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh;

Căn cứ Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quy chế thi);

Thực hiện Công văn số 1318/BGDĐT-QLCL ngày 05/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (CV 1318).

Để chuẩn bị tổ chức Kỳ thi, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường trung học phổ thông (THPT), các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (THCS & THPT), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh (GDTX) (gọi tắt là các đơn vị) một số nội dung sau:

1. Bài thi và hình thức thi

a) Bài thi

- Tổ chức thi 5 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp là Khoa học Tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học; viết tắt là KHTN), Khoa học Xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT; tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lý đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT; viết tắt là KHXXH).

- Để xét công nhận tốt nghiệp THPT: thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT (gọi tắt là thí sinh Giáo dục THPT) phải dự thi 4 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn; thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT (gọi tắt là thí sinh GDTX) phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn.

Thí sinh GDTX có thể chọn đăng ký dự thi cả bài thi Ngoại ngữ, điểm bài thi này để lấy kết quả xét tuyển sinh.

- Để xét tuyển sinh ĐH, CĐ thí sinh đã tốt nghiệp THPT phải dự thi các bài thi độc lập, bài thi tổ hợp hoặc các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp, phù hợp với tổ hợp bài thi, môn thi xét tuyển vào ngành, nhóm ngành theo quy định của trường ĐH, CĐ.

b) Nội dung thi: Nội dung thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12.

c) Hình thức thi: Các bài thi Toán, Ngoại ngữ, KHTN và KHXH thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi chung là bài thi trắc nghiệm); bài thi Ngữ văn thi theo hình thức tự luận (gọi chung là bài thi tự luận).

d) Thời gian làm bài thi/môn thi: Ngữ văn 120 phút; Toán 90 phút; Ngoại ngữ 60 phút; 50 phút đối với mỗi môn thi thành phần của bài thi tổ hợp KHTN và KHXH.

2. Lịch thi

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp		Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
06/7/2021	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh đến phòng thi làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi				
07/7/2021	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
	CHIỀU	Toán		90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
08/7/2021	SÁNG	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Hóa học	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
			Sinh học	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35
		Bài thi KHXH	Lịch sử	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Địa lí	50 phút	08 giờ 30	08 giờ 35
			Giáo dục công dân	50 phút	09 giờ 30	09 giờ 35
	CHIỀU	Ngoại ngữ		60 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
09/7/2021	SÁNG	Dự phòng				

3. Phần mềm dùng trong Kỳ thi

Các đơn vị thống nhất sử dụng Hệ thống phần mềm quản lý thi tốt nghiệp THPT do Bộ GDĐT cung cấp (gọi tắt là phần mềm QLT); thực hiện đúng quy trình, cấu trúc, thời hạn xử lý dữ liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Sở GDĐT.

4. Tổ chức tập huấn Quy chế thi

Sở GDĐT yêu cầu lãnh đạo các đơn vị tổ chức tập huấn Quy chế thi cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường, **trước ngày 15/5/2021** nộp biên bản tổ chức tập huấn về Sở GDĐT (*nội dung biên bản thể hiện được: thời gian tổ chức tập huấn, thành phần tham dự, nội dung, ý kiến đề xuất*).

5. Chế độ báo cáo và lưu trữ

a) Chế độ báo cáo

Các đơn vị phải thực hiện chế độ báo cáo nghiêm túc, kịp thời, đúng biểu mẫu quy định; phải cập nhật đầy đủ số liệu của Kỳ thi và kiểm tra để đảm bảo chính xác trước khi báo cáo Sở GDĐT.

b) Địa chỉ nhận báo cáo

- Gửi e-mail: khaothikiemdinhh@binhphuoc.edu.vn; điện thoại: 02713 888 703;

- Gửi công văn theo địa chỉ: Phòng Giáo dục Trung học, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước, QL 14, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài.

c) Thời gian, nội dung và hình thức báo cáo

Theo quy định tại Phụ lục I đính kèm. Tuy nhiên có một số lưu ý như sau:

- **Chậm nhất ngày 04/6/2021** các đơn vị gửi Công văn báo cáo Sở GDĐT những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi;

- Báo cáo nhanh các buổi coi thi: Các điểm thi báo cáo nhanh chậm nhất **10 giờ 00 phút đối với buổi thi sáng, 16 giờ 00 phút đối với buổi thi chiều.**

6. Công việc cụ thể cho từng khâu của Kỳ thi: thực hiện theo Quy chế thi và hướng dẫn chi tiết tại các Phụ lục đính kèm.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện hướng dẫn này. Nếu có vướng mắc liên hệ về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng GDTrH); điện thoại 02713 888 703, 0379 00 55 66; e-mail:khaothikiemdinhh@binhphuoc.edu.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, GDTrH.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC I**LỊCH CÔNG TÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số: _____ /SGDDT-GDTrH ngày _____ / 2021 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1	Đăng ký dự thi (ĐKDT), nhận Phiếu ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT.	Các đơn vị ĐKDT	Các đối tượng thí sinh; các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 27/4 đến ngày 11/5/2021
2	In danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên học sinh, lớp, trường; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên danh sách	Các đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 19/5/2021
3	Kiểm tra chéo thông tin thí sinh, bàn giao danh sách và Phiếu ĐKDT cho phòng GDTrH, Sở GDĐT	Phòng GDTrH Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Trước ngày 27/5/2021 (Sở sẽ thông báo lịch cụ thể)
5	Thu Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, hồ sơ kèm theo và nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT. In danh sách từ phần mềm QLT tổ chức cho học sinh rà soát và ký xác nhận.	Các đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 01/6/2021
6	Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi	Thủ trưởng đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 04/6/2021
7	Hoàn thành việc in và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh	Các đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 15/6/2021
8	Bàn giao đề thi đã in sao cho các Điểm thi	Ban In sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi	Các Điểm thi	Do Chủ tịch Hội đồng thi quy định
9	Tập huấn nghiệp vụ coi thi cho cán bộ coi thi	Sở GDĐT	Các trường THPT, cá nhân và đơn vị có liên quan	Trước ngày 06/7/2021

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
10	Ban coi thi làm việc	Ban coi thi	Sở GDĐT	Từ ngày 06/7/2021
11	Coi thi theo lịch thi	Ban Coi thi	Sở GDĐT	Các ngày 07, 08, 09/7/2021
12	Công bố kết quả thi	Hội đồng thi	Các đơn vị ĐKDT	Ngày 26/7/2021
13	Hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp THPT sơ bộ	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Chậm nhất ngày 28/7/2021
14	Cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, trả học bạ và các loại giấy chứng nhận (bản chính) cho thí sinh.	Hiệu trưởng trường phổ thông		Chậm nhất ngày 02/8/2021
15	In và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh	Các Hội đồng thi	Sở GDĐT, các đơn vị ĐKDT	Chậm nhất ngày 02/8/2021
16	Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo kể từ ngày công bố kết quả thi.	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Từ ngày 26/7 đến hết ngày 05/8/2021
17	Các đơn vị ĐKDT chuyển dữ liệu phúc khảo cho Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT		Chậm nhất ngày 06/8/2021
18	Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có)	Hội đồng thi	Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 16/8/2021
19	Hoàn thành việc xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo	Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Chậm nhất ngày 22/8/2021

PHỤ LỤC II

ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG THI

(Kèm theo Công văn số: _____ /SGDDT-GDTrH ngày _____ của Sở GDĐT)

1. Hồ sơ đăng ký dự thi

Mọi thí sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đều phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

a) 01 túi đựng hồ sơ theo mẫu của Bộ GDĐT, 02 Phiếu đăng ký dự thi; bản photocopy Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân; các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có), bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

b) Đối với người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, hồ sơ ĐKDT phải có thêm: Giấy xác nhận của trường phổ thông nơi thí sinh học lớp 12 hoặc nơi thí sinh ĐKDT về xếp loại học lực đối với những học sinh xếp loại kém về học lực quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Quy chế thi; bản sao Bằng tốt nghiệp THCS; Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có) do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận;

c) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT, hồ sơ ĐKDT gồm: 02 Phiếu ĐKDT giống nhau; bản sao Bằng tốt nghiệp THPT; các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có), bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

d) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, hồ sơ ĐKDT gồm: 02 Phiếu ĐKDT giống nhau; bản sao Bằng tốt nghiệp THCS, bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp, bản sao Sổ học tập hoặc bảng điểm học các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT.

2. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp

Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp đối với thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT

a) Đối với thí sinh đang học lớp 12 năm học 2020 – 2021

Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp bao gồm:

- Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (có mẫu kèm theo);
 - Học bạ THPT hoặc học bạ GDTX cấp THPT (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu);
 - Giấy khai sinh (bản sao);
 - Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao)
 - Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có).
- Để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thí sinh phải có bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú;

b) Đối với thí sinh đã học hết chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp ở những năm trước (gọi chung là thí sinh tự do)

Ngoài các hồ sơ quy định tại mục a) ở trên phải có thêm:

- Giấy xác nhận của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc nơi đăng ký dự thi về xếp loại học lực đối với những học sinh xếp loại kém về học lực quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Quy chế thi;

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu);

- Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có).

3. Đăng ký dự thi

a) - Các trường phổ thông thu hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) của thí sinh thuộc đơn vị mình, thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT.

- Các trung tâm GDTX, Trường THCS&THPT Võ Thị Sáu thu hồ sơ ĐKDT của các thí sinh thuộc đơn vị mình, các thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT và các thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT đăng ký dự thi để tuyển sinh đại học; cao đẳng.

b) Sở GDĐT đề nghị các đơn vị tổ chức cho thí sinh ĐKDT theo quy định của Quy chế thi. Lưu ý một số điểm sau:

- Các đơn vị trường phổ thông chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh điền vào Phiếu đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2021 (gọi tắt là Phiếu ĐKDT) đầy đủ và đúng các thông tin; rà soát hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT để đảm bảo độ chính xác của các thông tin thí sinh điền vào Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt là thông tin về diện ưu tiên để được cộng điểm ưu tiên (nếu có); xem xét và quyết định điều kiện dự thi của thí sinh.

Lưu ý: Tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ không hợp lệ.

- Các đơn vị ĐKDT chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT (ví dụ: nơi đón tiếp thí sinh đến đăng ký, máy ảnh, máy vi tính, hồ sơ ĐKDT, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, ...); tổ chức kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt lưu ý các thông tin về chế độ ưu tiên, điểm khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp THPT.

- Với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh được tự chọn để ĐKDT một trong 07 (bảy) ngôn ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức Tiếng Nhật và Tiếng Hàn. Thí sinh được đăng ký thi môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông; thí sinh là học viên GDTX được ĐKDT bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

- Các trường hợp được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:

+ Thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

+ Thí sinh có một trong các chứng chỉ Ngoại ngữ (giống hoặc khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông) hợp lệ, có giá trị sử dụng ít nhất đến ngày 06/7/2021 và đạt mức điểm tối thiểu theo bảng dưới đây:

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm - TOEFL iBT 45 điểm	Educational Testing Service (ETS)
		IELTS 4.0 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF (300-400 điểm) - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3 - TOCFL cấp độ 3	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) - Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency – Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1 - Zertifikat B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

- Đăng ký và xác nhận điểm bảo lưu để xét công nhận tốt nghiệp:

+ Thí sinh đã dự thi đủ các bài thi/môn thi quy định nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả bài thi được bảo lưu điểm thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT trong kỳ thi năm liền kề tiếp theo. Bài thi/môn thi được bảo lưu điểm thi gồm: Bài thi độc lập đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên; Bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên và các môn thi thành phần của bài thi này đều đạt trên 1,0 (một) điểm; Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên.

+ Điểm bảo lưu do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 kiểm tra và xác nhận (trong trường hợp thí sinh dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 tại tỉnh khác với tỉnh đã dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 thì việc xác nhận điểm bảo lưu phải do sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi năm 2020 thực hiện kiểm tra và xác nhận).

- Thí sinh tự do dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT có học bạ theo chương trình nào phải đăng ký dự thi theo quy định của chương trình đó.

- Thí sinh tự do bị mất bản chính học bạ THPT có nguyện vọng được dự thi năm 2021 phải có xác nhận lại bản sao học bạ được cấp, trên cơ sở đối chiếu với hồ sơ lưu của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc căn cứ vào hồ sơ dự thi của các kỳ thi trước.

- Ảnh của thí sinh là ảnh màu cỡ 4x6 cm, kiểu Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (gọi chung là Chứng minh nhân dân), được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

- Khi nhập Phiếu ĐKDT, phải nhập cả ảnh của thí sinh (có thể quét ảnh thí sinh đã nộp hoặc nhập từ file ảnh hoặc chụp ảnh trực tiếp). Ảnh của thí sinh đưa vào hệ thống có độ phân giải là 400x600 pixels và phải được gắn đúng với thí sinh.

4. Thời hạn ĐKDT:

- Từ ngày 27/4/2021 đến ngày 11/5/2021, các đơn vị ĐKDT thực hiện: thu Hồ sơ ĐKDT; nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm Quản lý thi (QLT). ***Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in Danh sách ĐKDT theo mẫu quy định trong phần mềm QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.***

Sau ngày 11/5/2021, thí sinh không được thay đổi các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.

- Chậm nhất 13/5/2021 các đơn vị ĐKDT phải hoàn thành việc nhập Hồ sơ đăng ký dự thi cho thí sinh.

- ***Chậm nhất đến ngày 01/6/2021***, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc: thu Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT và hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo; nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT. Ngay sau khi nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT của thí sinh từ phần mềm QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận. Thí sinh tự do có thể nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT cùng hồ sơ ĐKDT.

- Đơn vị ĐKDT kiểm tra hồ sơ ĐKDT và các hồ sơ có liên quan đến kỳ thi, xem xét điều kiện dự thi của từng thí sinh, xác nhận tư cách thí sinh, quyết định không cho thí sinh dự thi nếu không đủ điều kiện và hồ sơ hợp lệ; đồng thời, thông báo trực tiếp cho thí sinh. Sau đó, in Danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh, theo lớp thí sinh đang học, theo thí sinh tự do.

- Phiếu ĐKDT số 1 lưu tại đơn vị ĐKDT, Phiếu ĐKDT số 2 giao lại cho thí sinh.

- Chậm nhất ngày 16/6/2021, các đơn vị ĐKDT hoàn chỉnh các công việc trên, bàn giao cho sở GDĐT: Danh sách ĐKDT, túi hồ sơ ĐKDT gồm bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo, Danh sách thí sinh ĐKDT để xuất trình kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp THPT và yêu cầu sửa chữa (nếu có).

- Khi làm thủ tục dự thi, thí sinh phải có Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Các trường phổ thông hướng dẫn để học sinh có Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân trước khi nộp Phiếu ĐKDT. Trong trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân thì phần mềm QLT sẽ gán cho thí sinh một

mã số gồm 12 ký tự để quản lý. Những thí sinh muốn điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển ĐH, CĐ thì phải đăng ký số điện thoại, email của mình khi ĐKDT. Lưu ý: thí sinh đã đăng ký sơ tuyển phải dùng Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân thống nhất khi ĐKDT và đăng ký sơ tuyển.

- Sau khi nộp Phiếu ĐKDT, thí sinh sẽ được đơn vị ĐKDT cấp một tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm QLT qua internet tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>. Tài khoản này được thí sinh dùng để đăng nhập vào phần mềm QLT từ khi ĐKDT đến khi xem kết quả thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT, xét tuyển sinh ĐH, CĐ. Để bảo mật thông tin, khi nhận được tài khoản và mật khẩu thí sinh nên thay đổi ngay mật khẩu. Thí sinh cần phải bảo mật tài khoản và mật khẩu của mình.

Trong trường hợp thí sinh quên tài khoản và mật khẩu thì có thể liên hệ với đơn vị ĐKDT để xin cấp lại.

Tùy từng thời điểm, khi đăng nhập vào phần mềm QLT, thí sinh có thể biết được các thông tin như: Thông tin ĐKDT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 12/5/2021); thông tin xét công nhận tốt nghiệp THPT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 01/6/2021); Giấy báo dự thi; Địa điểm thi; kết quả thi.

Mọi Hồ sơ, chứng nhận hưởng ưu tiên, khuyến khích liên quan đến xét công nhận tốt nghiệp THPT phải được thí sinh ***nộp cho Điểm ĐKDT trước ngày 04/6/2021.***

PHỤ LỤC III

COI THI

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH ngày của Sở GDĐT)

Công tác coi thi thực hiện theo quy định tại Chương V của Quy chế thi; lưu ý một số điểm sau:

1. Trưởng Điểm thi tổ chức cho CBCT và CBGS bắt thăm phòng thi theo Quy chế thi trước mỗi buổi thi. Việc lưu giữ và bảo quản thiết bị thu, phát thông tin của những người đang thực hiện nhiệm vụ tại Điểm thi do Trưởng Điểm thi chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện với sự phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn của công an.

2. Tại các Điểm thi phải bố trí đủ phòng chờ cho thí sinh thi các môn thành phần của bài thi tổ hợp và bố trí ít nhất một CBCT hoặc CBGS cho mỗi phòng chờ để quản lý thí sinh trong phòng. Trưởng Điểm thi yêu cầu người làm nhiệm vụ tại Điểm thi nhắc thí sinh phải có mặt đúng giờ tại các phòng thi theo đúng Giấy báo dự thi.

3. Đăng ký chữ ký của những người tham gia công tác coi thi:

Đối với những người tham gia công tác coi thi (Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, Thư ký và Cán bộ coi thi): Trưởng Điểm thi lập danh sách theo Mẫu tại Phụ lục XI. Tại buổi tập trung làm thủ tục và phổ biến quy chế thi, Trưởng Điểm thi tổ chức đăng ký mẫu chữ ký; photocopy thêm 02 bộ mẫu chữ ký, được để trong 03 túi, bên ngoài mỗi túi ghi rõ bản gốc/bản photocopy. Mỗi bộ mẫu chữ ký được đóng gói và niêm phong tại Điểm thi và bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi. Ban Thư ký Hội đồng thi bàn giao bản gốc cho Chủ tịch Hội đồng thi lưu; bàn giao bản photocopy cho Ban Làm phách bài thi tự luận và Ban Chấm thi trắc nghiệm khi bàn giao các túi bài thi.

4. Khi gọi thí sinh vào phòng thi, CBCT kiểm tra các vật dụng thí sinh được mang vào phòng thi theo quy định tại Điều 14 Quy chế thi. Thí sinh chỉ được mang vào phòng thi máy tính cầm tay được quy định trong văn bản của Bộ GDĐT. Trưởng Điểm thi phải bố trí địa điểm thích hợp, bảo đảm an toàn để bảo quản vật dụng cá nhân (không được đem vào phòng thi) trong thời gian thi của các thí sinh.

5. Mỗi phòng thi phải được trang bị 01 chiếc kéo dành cho CBCT để cắt túi đề thi. Đối với các phòng thi có thí sinh chỉ dự thi môn thi thành phần thứ nhất và/hoặc thứ hai thuộc bài thi tổ hợp cần **chuẩn bị túi phụ chứa bài thi**, nhãn niêm phong và dụng cụ cần thiết để niêm phong.

6. Bảo quản và sử dụng Phiếu trả lời trắc nghiệm (Phiếu TLTN):

- Phiếu TLTN phải đóng trong các túi đựng Phiếu TLTN được giữ nguyên niêm phong đến khi phát cho thí sinh tại phòng thi;

- Trước mỗi buổi thi, Trưởng Điểm thi bàn giao túi đựng Phiếu TLTN của phòng thi cho CBCT phòng thi đó. Lưu ý: Khi giao nhận, phải lập biên bản ghi rõ số lượng giao nhận và tình trạng của túi đựng Phiếu TLTN;

- Sau mỗi buổi thi, Trưởng Điểm thi lập Biên bản về tình trạng sử dụng Phiếu TLTN ghi rõ các thông tin: Tổng số phiếu; số phiếu đã sử dụng; số phiếu thừa thu lại; số phiếu hỏng thu lại, số phiếu thay thế. Các biên bản này được Trưởng Điểm thi nộp cùng

với hồ sơ coi thi.

7. Sử dụng đề thi tại phòng thi:

a) CBCT phải cho toàn thể thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của bì/túi đề thi, sự phù hợp môn thi với Lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 02 thí sinh trong phòng thi; chỉ được cắt bì/túi đề thi đúng giờ phát đề thi cho thí sinh quy định tại lịch thi.

b) Ngay sau khi phát đề cho thí sinh, CBCT yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng đề thi: nếu thấy đề thi bị thiếu trang hoặc rách, nhòe, mờ, thí sinh phải lập tức báo cho CBCT để kịp thời xử lý; nếu không phát hiện hoặc trễ quá sau khi phát đề 10 phút (tính từ giờ phát đề) đối với bài thi Toán, Ngoại ngữ, 05 phút (tính từ giờ phát đề) đối với bài thi Ngữ văn và các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp mới báo cáo thì thí sinh phải tự chịu trách nhiệm. Tất cả những trường hợp phát sinh về đề thi, CBCT phải báo cáo cho Trưởng Điểm thi để báo cáo Trưởng ban Coi thi ngay sau khi phát hiện (qua cán bộ giám sát - CBGS).

c) Trong bì/túi đựng đề thi của mỗi bài thi tổ hợp có chứa bì/túi đựng đề thi của từng môn thi thành phần tương ứng. CBCT chỉ được cắt bì/túi đề thi và phát đề thi của môn thi thành phần cho thí sinh đúng thời điểm ghi trên Lịch thi.

d) Trưởng Điểm thi quy định một số cách đánh số báo danh trong phòng thi cho từng buổi thi tại Điểm thi. Trước mỗi buổi thi, một đại diện CBCT thực hiện việc bắt thăm cách đánh số báo danh chung cho tất cả các phòng thi của Điểm thi, bảo đảm không trùng với cách đánh số báo danh của các buổi thi trước.

đ) Thứ tự phát đề thi được thực hiện bằng cách bốc thăm theo một trong hai cách sau:

Cách 1. Phát theo thứ tự lần lượt từ trái sang phải, từ trên xuống dưới;

Cách 2. Phát theo thứ tự lần lượt từ phải sang trái, từ trên xuống dưới.

Khi nhận túi đề thi, CBCT (người nhận đề thi) bốc thăm cách phát đề thi. Tại phòng thi, thứ tự phát đề phải thực hiện đúng theo cách đã bốc thăm được.

e) Chậm nhất 15 phút sau khi tính giờ làm bài, người được Trưởng Điểm thi phân công thu lại đề thi thừa của bài thi/môn thi đang thi và đề thi đã sử dụng cùng giấy nháp của môn thi thành phần ngay trước đó đã thu của thí sinh và được CBCT niêm phong tại phòng thi.

8. Trong quá trình coi thi buổi thi trắc nghiệm, CBCT phải đặc biệt lưu ý nhắc nhở và kiểm tra bảo đảm thí sinh tô đúng mã đề thi trên Phiếu TLTN.

9. Trong quá trình tổ chức coi thi bài thi tổ hợp cần lưu ý:

a) Các môn thi thành phần trong mỗi bài thi tổ hợp có cùng một mã đề thi. Thí sinh làm bài các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp theo Lịch thi trên cùng một phiếu TLTN. Hết thời gian làm bài của môn thi thành phần cuối cùng của thí sinh trong buổi thi bài thi tổ hợp, CBCT mới thu Phiếu TLTN.

b) Thí sinh thi 02 môn thi thành phần liên tiếp (bao gồm cả thí sinh GDTX thi bài thi KHXH): CBCT và thí sinh có mặt tại nơi gọi thí sinh vào phòng thi trước giờ phát đề thi ít nhất 10 phút để làm công tác chuẩn bị. Ngay sau khi hết giờ làm bài của môn thi thành phần thứ nhất của mình, thí sinh phải dùng bút, CBCT thu đề thi và giấy nháp của

thí sinh; sau đó, CBCT phát đề thi môn thi thành phần tiếp theo và giấy nháp mới theo đúng Lịch thi. Khi hết giờ làm bài môn thi thành phần thứ hai của thí sinh, CBCT thu Phiếu TLTN, thu đề thi, giấy nháp của thí sinh (trừ các môn thi Sinh học, Giáo dục công dân). Riêng đối với thí sinh chỉ thi 02 môn thành phần thứ nhất và thứ hai của bài thi tổ hợp, sau khi thi xong môn thi thành phần thứ hai, CBCT yêu cầu thí sinh ra khỏi phòng thi, theo hướng dẫn của CBGS di chuyển về phòng chờ, ngồi tại phòng chờ, giữ gìn trật tự, đợi cho đến khi hết giờ làm bài của môn thi cuối cùng mới được rời khỏi Điểm thi.

c) Thí sinh thi 02 môn thi thành phần không liên tiếp: Ngay sau khi hết giờ làm bài của môn thi thành phần thứ nhất, thí sinh phải dừng bút, nộp đề thi, giấy nháp cho CBCT. Thí sinh phải ngồi nguyên vị trí, giữ trật tự, đặt Phiếu TLTN sao cho phần tô câu trả lời úp xuống mặt bàn tại vị trí ngồi của thí sinh và bảo quản Phiếu TLTN trong suốt thời gian chờ thi môn thành phần tiếp theo.

d) Thí sinh chỉ thi 01 môn thi thành phần: Thí sinh có mặt tại nơi gọi thí sinh vào phòng thi trước giờ phát đề thi ít nhất 10 phút để làm công tác chuẩn bị. Ngay sau khi hết giờ làm bài, CBCT thu Phiếu TLTN, thu đề thi và giấy nháp của thí sinh (trừ các môn thi Sinh học và Giáo dục công dân). Riêng đối với thí sinh chỉ thi môn thi thành phần thứ nhất hoặc thứ hai, sau khi thi xong môn thi cuối cùng theo đăng ký của thí sinh, CBCT yêu cầu thí sinh ra khỏi phòng thi, theo hướng dẫn của CBGS di chuyển về phòng chờ, ngồi tại phòng chờ, giữ gìn trật tự, đợi cho đến khi hết giờ làm bài của môn thi cuối cùng mới được rời khỏi Điểm thi.

đ) Trong suốt thời gian thi bài thi tổ hợp, CBCT phải giám sát chặt chẽ, không để thí sinh ghi chép các nội dung hoặc để lại các dấu hiệu liên quan đến đề thi ra các giấy tờ, tài liệu, vật dụng nào khác ngoài giấy nháp (có chữ ký của CBCT); phải kịp thời thu giữ các giấy tờ, tài liệu, vật dụng này nêu phát hiện vi phạm.

e) Trong khoảng thời gian nghỉ chờ làm thủ tục thi giữa 02 môn thi thành phần của bài thi tổ hợp, thí sinh đã thi môn thành phần trước đó nếu có nhu cầu đặc biệt và hợp lý thì được CBCT xem xét cho phép ra ngoài phòng thi; thí sinh phải đặt Phiếu TLTN sao cho phần tô câu trả lời úp xuống mặt bàn tại vị trí ngồi của thí sinh; CBCT thứ 2 chịu trách nhiệm giám sát không để thí sinh khác xâm phạm Phiếu TLTN của thí sinh; thí sinh phải chịu sự quản lý và phải tuân thủ hướng dẫn của CBGS khi ở ngoài phòng thi. CBCT và CBGS cần phối hợp chặt chẽ để cho thí sinh có nhu cầu lần lượt ra ngoài phòng thi, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến trật tự phòng thi và khu vực thi.

g) Thí sinh chỉ thi các môn thi thành phần sau môn thi thành phần thứ nhất của bài thi tổ hợp có mặt tại nơi gọi thí sinh vào phòng thi trước giờ phát đề thi của môn thi ít nhất 10 phút, phải giữ trật tự trong khi chờ được gọi vào phòng thi. Nếu thí sinh đến sớm hơn (trước giờ phát đề thi từ 15 phút trở lên) thì phải vào đợi tại các phòng chờ và phải thực hiện đúng các quy định.

h) Thí sinh chỉ được phép sử dụng Atlas trong giờ thi môn thi thành phần Địa lí của bài thi tổ hợp KHXH. Trước khi vào phòng thi, thí sinh ghi rõ họ tên và số báo danh vào trang bìa của Atlas và nộp Atlas cho CBCT để kiểm soát; CBCT giao lại Atlas cho thí sinh khi bắt đầu giờ làm bài môn thi Địa lí, thu lại ngay khi hết giờ làm bài môn thi này và chỉ trả lại cho thí sinh sau khi thí sinh hoàn thành môn thi cuối cùng của mình trong bài thi tổ hợp.

10. Thu bài thi:

a) Trước giờ thu bài thi 05 phút, CBCT yêu cầu thí sinh kiểm tra lại mã đề thi, số báo danh, các thông tin cá nhân khác trên giấy thi/Phiếu TLTN.

b) Đối với thí sinh dự thi môn thi thành phần thứ nhất và/hoặc thứ hai của bài thi tổ hợp: Sau khi hết giờ làm bài của thí sinh trong buổi thi (tính theo môn thi thành phần dự thi), CBCT thu Phiếu TLTN, thu lại đề thi, giấy nháp và yêu cầu thí sinh rời khỏi phòng thi, theo hướng dẫn của CBGS về phòng chờ. Ngay sau đó, hai CBCT phải kiểm đếm đủ Phiếu TLTN đã thu, cho vào túi phụ và cùng niêm phong túi, ký tên trên nhãn niêm phong và giao CBCT thứ nhất bảo quản tại phòng thi. Khi kết thúc buổi thi, hai CBCT cùng mở túi phụ tại phòng làm việc của Điểm thi, kiểm đếm và gộp chung với các bài thi khác của phòng thi để nộp bài thi cho Trưởng Điểm thi (qua Thư ký Điểm thi).

c) Thí sinh phải nộp lại đề thi, giấy nháp khi hết thời gian làm bài môn thi thành phần; không phải nộp lại đề thi, giấy nháp đối với môn thi Sinh học và Giáo dục công dân của bài thi tổ hợp (nếu dự thi); không phải nộp lại đề thi, giấy nháp đối với các bài thi độc lập Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ.

d) Khi thu bài, CBCT trong phòng thi xếp các bài thi theo thứ tự tăng dần của số báo danh, kiểm tra kỹ các thông tin về mã đề thi trên phiếu TLTN bảo đảm chính xác, yêu cầu thí sinh điền thông tin, ký xác nhận nộp bài thi vào 02 Phiếu thu bài thi; 01 Phiếu đóng cùng bài thi trong túi bài thi, 01 Phiếu để ngoài nộp cùng túi bài thi cho Trưởng Điểm thi (qua Thư ký Điểm thi).

11. Trong quá trình coi thi, các tình huống bất thường (nếu có) đặc biệt là các tình huống ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh, CBCT phải thông qua CBGS để báo ngay cho Trưởng Điểm thi xem xét quyết định trước khi xử lý.

12. Thí sinh đã thi xong các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp nhưng chưa được rời khỏi khu vực thi khi di chuyển về phòng chờ và trong thời gian ở phòng chờ, phải giữ gìn trật tự, tuyệt đối tuân thủ hướng dẫn của CBGS hoặc người quản lý phòng chờ. Nếu thí sinh có nhu cầu đặc biệt, hợp lý thì được người quản lý phòng chờ xem xét cho phép ra ngoài phòng chờ; khi ra ngoài, thí sinh phải tuân thủ hướng dẫn của CBGS khi ở ngoài phòng chờ. Người quản lý phòng chờ và CBGS cần phối hợp chặt chẽ để cho thí sinh có nhu cầu lần lượt và trật tự ra ngoài, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự các phòng thi khác và khu vực thi.

c) Việc bảo quản bài thi tại Điểm thi thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế thi và một số nội dung sau:

Camera giám sát: Số lượng, vị trí camera phải bảo đảm bao quát được toàn bộ các vật dụng chứa đề thi, bài thi trong phòng và các hành vi tác động đến vật dụng đó. Hệ thống camera không được kết nối internet và chỉ được kết nối bằng hình thức hữu tuyến (có dây) tới màn hình hiển thị (nếu có), phải có bộ lưu điện dự phòng, bảo đảm hoạt động liên tục kể cả khi mất điện lưới; dung lượng thiết bị lưu trữ của hệ thống camera phải bảo đảm lưu trữ được toàn bộ dữ liệu của quá trình lưu trữ đề thi, bài thi tại Điểm thi với dung lượng tối thiểu là 07 ngày. Hằng ngày, Trưởng Điểm thi phải phối hợp với lực lượng công an và thanh tra kiểm tra tình trạng hoạt động của camera. Trong trường hợp sử dụng hệ thống camera có màn hình hiển thị thì màn hình phải được đặt tại vị trí để quan sát trong phòng bảo quản đề thi, bài thi.

Ngay sau khi bài thi được chuyển khỏi phòng, thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng/ thẻ nhớ) của camera phải được niêm phong dưới sự chứng kiến của Trưởng Điểm thi, thanh

tra và công an. Thiết bị lưu trữ dữ liệu của camera sau khi niêm phong được bàn giao cho Thủ trưởng cơ sở giáo dục nơi đặt Điểm thi để bảo quản, lưu giữ trong thời gian ít nhất là 12 tháng.

12. Niêm phong túi bài thi, bảo quản bài thi tại Điểm thi và giao nộp bài thi

a) Bên ngoài túi bài thi phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Hội đồng thi; Điểm thi; Phòng thi; Buổi thi (thời gian, ngày thi); Tên bài thi; Họ tên, chữ ký của 02 CBCT; Họ tên, chữ ký của Trưởng Điểm thi và Thư ký trực tiếp kiểm đếm bài thi.

b) CBCT bàn giao bài thi cho Trưởng Điểm thi. Khi bàn giao, CBCT phải cùng thư ký kiểm đếm bài thi, niêm phong túi bài thi theo quy định tại Điều 22 Quy chế thi.

c) Bảo quản bài thi tại Điểm thi được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế thi và một số nội dung sau:

- Camera giám sát: Số lượng, vị trí camera phải bảo đảm bao quát được toàn bộ các vật dụng chứa đề thi, bài thi trong phòng và các hành vi tác động đến vật dụng đó. Hệ thống camera không được kết nối internet và chỉ được kết nối bằng hình thức hữu tuyến (có dây) tới màn hình hiển thị (nếu có), phải có bộ lưu điện dự phòng, bảo đảm hoạt động liên tục kể cả khi mất điện lưới; dung lượng thiết bị lưu trữ của hệ thống camera phải bảo đảm lưu trữ được toàn bộ dữ liệu của quá trình lưu trữ đề thi, bài thi tại Điểm thi với dung lượng tối thiểu là 07 ngày. Trong trường hợp sử dụng hệ thống camera có màn hình hiển thị thì màn hình phải được đặt tại vị trí dễ quan sát trong phòng bảo quản đề thi, bài thi. Ngay sau khi bài thi được chuyển khỏi phòng, thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng/ thẻ nhớ) của camera phải được niêm phong dưới sự chứng kiến của Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, thanh tra và công an. Thiết bị lưu trữ dữ liệu của camera sau khi niêm phong được bàn giao cho Thủ trưởng cơ sở giáo dục nơi đặt Điểm thi chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ trong thời gian ít nhất là 01 năm.

d) Việc giao nộp bài thi từ Điểm thi về Hội đồng thi phải được thực hiện ngay sau buổi thi cuối cùng của Kỳ thi; thời gian, địa điểm, thành phần cụ thể như sau:

Thời gian: 16 giờ 00 phút ngày 08/7/2021.

Địa điểm: Sở GDĐT thông báo sau.

Thành phần nộp bài thi: Trưởng Điểm thi, công an, thư ký.

Thành phần nhận bài thi, hồ sơ thi: Lãnh đạo Ban Thư ký và ít nhất hai thành viên của Ban Thư ký.

43	038	THCS & THPT Võ Thị Sáu	KV1
43	039	THPT Phú Riềng	KV1
43	040	THPT Nguyễn Khuyến	KV1
43	041	THPT Ngô Quyền	KV1
43	042	THPT chuyên Bình Long	KV1
43	043	PTDTNT THCS & THPT Bù Gia Mập	KV1
43	044	Trung tâm GDNN&GDTX Hớn Quản	KV1
43	045	THCS & THPT Đăk Mai	KV1
43	800	Học ở nước ngoài_43	KV3
43	900	Quân nhân, Công an tại ngũ_43	

43	037	THPT Đa Kì	
43	038	THCS&THPT Võ Thị Sáu	
43	039	THPT Phú Riềng	
43	040	THPT Nguyễn Khuyến	
43	041	THPT Ngô Quyền	
43	042	THPT chuyên Bình Long	
43	043	PTDTNT THCS&THPT Bù Gia Mập	
43	044	TT GDNN-GDTX huyện Hớn Quản	
43	901	TT GDNN-GDTX huyện Hớn Quản	Mã đơn vị ĐKDT dành cho thí sinh tự do (<i>đã tốt nghệp THPT nộp để tuyển sinh ĐH, CĐ</i>)
43	902	Trường THCS&THPT Võ Thị Sáu	
43	906	Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước	
43	909	TT GDNN-GDTX huyện Đồng Phú	
43	913	TT GDNN-GDTX huyện Chơn Thành	
43	917	TT GDNN-GDTX TX Bình Long	
43	921	TT GDNN-GDTX huyện Lộc Ninh	
43	924	TT GDNN-GDTX huyện Bù Đốp	
43	927	TT GDNN-GDTX TX Phước Long	
43	933	TT GDNN-GDTX huyện Bù Đăng	

PHỤ LỤC VII

KHU VỰC ƯU TIÊN CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày của Sở GDĐT)

Khu vực	Đơn vị hành chính (Huyện, Xã thuộc huyện)
KV1	Gồm các huyện: TX Đồng Xoài, TX Phước Long, TX Bình Long, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành (trừ các xã Minh Hưng, Minh Long, Thành Tâm, TT Chơn Thành)
KV2-NT	Gồm các xã: Minh Hưng, Minh Long, Thành Tâm, TT Chơn Thành của huyện Chơn Thành

PHỤ LỤC VIII**DANH SÁCH CÁC XÃ KHU VỰC 1 HOẶC CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
(HOẶC CÓ THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN)***(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH ngày của Sở GDĐT)*

TT	Mã tỉnh	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	43	01	Thành phố Đồng Xoài	01	Phường Tân Bình	Khó khăn
2	43	01	Thành phố Đồng Xoài	02	Phường Tân Đồng	Khó khăn
3	43	01	Thành phố Đồng Xoài	03	Phường Tân Phú	Khó khăn
4	43	01	Thành phố Đồng Xoài	04	Phường Tân Thiện	Khó khăn
5	43	01	Thành phố Đồng Xoài	05	Phường Tân Xuân	Khó khăn
6	43	01	Thành phố Đồng Xoài	06	Xã Tân Thành	Khó khăn
7	43	01	Thành phố Đồng Xoài	07	Xã Tiến Hưng	Khó khăn
8	43	01	Thành phố Đồng Xoài	08	Phường Tiến Thành	Khó khăn
9	43	02	Huyện Đồng Phú	01	Thị trấn Tân Phú	Khó khăn
10	43	02	Huyện Đồng Phú	02	Xã Đồng Tâm	ĐBKK
11	43	02	Huyện Đồng Phú	03	Xã Đồng Tiến	Khó khăn
12	43	02	Huyện Đồng Phú	04	Xã Tân Hòa (trước 29/2/2016)	ĐBKK
13	43	02	Huyện Đồng Phú	05	Xã Tân Hưng (trước ngày 29/2/2016)	ĐBKK
14	43	02	Huyện Đồng Phú	06	Xã Tân Lập	Khó khăn
15	43	02	Huyện Đồng Phú	07	Xã Tân Lợi	ĐBKK
16	43	02	Huyện Đồng Phú	08	Xã Tân Phước	ĐBKK
17	43	02	Huyện Đồng Phú	09	Xã Tân Tiến	Khó khăn
18	43	02	Huyện Đồng Phú	10	Xã Thuận Lợi	Khó khăn
19	43	02	Huyện Đồng Phú	11	Xã Thuận Phú	Khó khăn
20	43	02	Huyện Đồng Phú	12	Xã Tân Hòa (từ ngày 29/2/2016)	Khó khăn
21	43	02	Huyện Đồng Phú	13	Xã Tân Hưng (từ ngày 29/2/2016)	Khó khăn
22	43	03	Huyện Chơn Thành	01	Xã Minh Lập	Khó khăn
23	43	03	Huyện Chơn Thành	02	Xã Minh Thắng	Khó khăn
24	43	03	Huyện Chơn Thành	03	Xã Minh Thành	Khó khăn
25	43	03	Huyện Chơn Thành	04	Xã Nha Bích	Khó khăn
26	43	03	Huyện Chơn Thành	05	Xã Quang Minh	ĐBKK
27	43	04	Thị xã Bình Long	01	Phường An Lộc	Khó khăn
28	43	04	Thị xã Bình Long	02	Phường Hưng Chiến	Khó khăn
29	43	04	Thị xã Bình Long	03	Phường Phú Đức	Khó khăn
30	43	04	Thị xã Bình Long	04	Phường Phú Thịnh	Khó khăn
31	43	04	Thị xã Bình Long	05	Xã Thanh Lương	ĐBKK

32	43	04	Thị xã Bình Long	06	Xã Thanh Phú	Khó khăn
33	43	05	Huyện Lộc Ninh	01	Thị trấn Lộc Ninh	Khó khăn
34	43	05	Huyện Lộc Ninh	02	Xã Lộc An (trước ngày 01/02/2016)	ĐBKK
35	43	05	Huyện Lộc Ninh	03	Xã Lộc Điền	Khó khăn
36	43	05	Huyện Lộc Ninh	04	Xã Lộc Hiệp	Khó khăn
37	43	05	Huyện Lộc Ninh	05	Xã Lộc Hòa	ĐBKK
38	43	05	Huyện Lộc Ninh	06	Xã Lộc Hưng	Khó khăn
39	43	05	Huyện Lộc Ninh	07	Xã Lộc Khánh	ĐBKK
40	43	05	Huyện Lộc Ninh	08	Xã Lộc Phú	ĐBKK
41	43	05	Huyện Lộc Ninh	09	Xã Lộc Quang	ĐBKK
42	43	05	Huyện Lộc Ninh	10	Xã Lộc Tấn	ĐBKK
43	43	05	Huyện Lộc Ninh	11	Xã Lộc Thái	Khó khăn
44	43	05	Huyện Lộc Ninh	12	Xã Lộc Thành	ĐBKK
45	43	05	Huyện Lộc Ninh	13	Xã Lộc Thạnh (trước ngày 01/02/2016)	ĐBKK
46	43	05	Huyện Lộc Ninh	14	Xã Lộc Thiện (trước ngày 01/02/2016)	ĐBKK
47	43	05	Huyện Lộc Ninh	15	Xã Lộc Thịnh	ĐBKK
48	43	05	Huyện Lộc Ninh	16	Xã Lộc Thuận	Khó khăn
49	43	05	Huyện Lộc Ninh	17	Xã Lộc An (từ ngày 01/02/2016)	Khó khăn
50	43	05	Huyện Lộc Ninh	18	Xã Lộc Thạnh (từ ngày 01/02/2016)	Khó khăn
51	43	05	Huyện Lộc Ninh	19	Xã Lộc Thiện (từ ngày 01/02/2016)	Khó khăn
52	43	06	Huyện Bù Đốp	01	Thị trấn Thanh Bình	Khó khăn
53	43	06	Huyện Bù Đốp	02	Xã Hưng Phước	ĐBKK
54	43	06	Huyện Bù Đốp	03	Xã Phước Thiện	ĐBKK
55	43	06	Huyện Bù Đốp	04	Xã Tân Thành (trước ngày 01/02/2016)	ĐBKK
56	43	06	Huyện Bù Đốp	05	Xã Tân Tiến	ĐBKK
57	43	06	Huyện Bù Đốp	06	Xã Thanh Hòa	ĐBKK
58	43	06	Huyện Bù Đốp	07	Xã Thiện Hưng	ĐBKK
59	43	06	Huyện Bù Đốp	08	Xã Tân Thành (từ ngày 01/02/2016)	Khó khăn
60	43	07	Thị xã Phước Long	01	Phường Long Phước	Khó khăn
61	43	07	Thị xã Phước Long	02	Phường Long Thủy	Khó khăn
62	43	07	Thị xã Phước Long	03	Phường Phước Bình	Khó khăn
63	43	07	Thị xã Phước Long	04	Phường Sơn Giang	Khó khăn
64	43	07	Thị xã Phước Long	05	Phường Thác Mơ	Khó khăn
65	43	07	Thị xã Phước Long	06	Xã Long Giang	ĐBKK
66	43	07	Thị xã Phước Long	07	Xã Phước Tín	Khó khăn
67	43	08	Huyện Bù Đẳng	01	Thị trấn Đức Phong	Khó khăn
68	43	08	Huyện Bù Đẳng	02	Xã Bình Minh	Khó khăn
69	43	08	Huyện Bù Đẳng	03	Xã Bom Bo	Khó khăn
70	43	08	Huyện Bù Đẳng	04	Xã Đak Nhau	ĐBKK
71	43	08	Huyện Bù Đẳng	05	Xã Đẳng Hà (trước ngày 28/4/2017)	Khó khăn
72	43	08	Huyện Bù Đẳng	06	Xã Đoàn Kết	Khó khăn
73	43	08	Huyện Bù Đẳng	07	Xã Đồng Nai	Khó khăn

74	43	08	Huyện Bù Đăng	08	Xã Đức Liễu	Khó khăn
75	43	08	Huyện Bù Đăng	09	Xã Đường 10	ĐBKK
76	43	08	Huyện Bù Đăng	10	Xã Minh Hưng	Khó khăn
77	43	08	Huyện Bù Đăng	11	Xã Nghĩa Bình	Khó khăn
78	43	08	Huyện Bù Đăng	12	Xã Nghĩa Trung	Khó khăn
79	43	08	Huyện Bù Đăng	13	Xã Phú Sơn	ĐBKK
80	43	08	Huyện Bù Đăng	14	Xã Phước Sơn	Khó khăn
81	43	08	Huyện Bù Đăng	15	Xã Thọ Sơn	Khó khăn
82	43	08	Huyện Bù Đăng	16	Xã Thống Nhất	ĐBKK
83	43	08	Huyện Bù Đăng	17	Xã Đăng Hà (từ ngày 28/4/2017)	ĐBKK
84	43	09	Huyện Hớn Quản	01	Xã An Khương	ĐBKK
85	43	09	Huyện Hớn Quản	02	Xã An Phú	Khó khăn
86	43	09	Huyện Hớn Quản	03	Xã Đồng Nơ	Khó khăn
87	43	09	Huyện Hớn Quản	04	Xã Minh Đức	Khó khăn
88	43	09	Huyện Hớn Quản	05	Xã Minh Tâm	Khó khăn
89	43	09	Huyện Hớn Quản	06	Xã Phước An	ĐBKK
90	43	09	Huyện Hớn Quản	07	Xã Tân Hiệp	Khó khăn
91	43	09	Huyện Hớn Quản	08	Xã Tân Hưng	ĐBKK
92	43	09	Huyện Hớn Quản	09	Thị trấn Tân Khai	Khó khăn
93	43	09	Huyện Hớn Quản	10	Xã Tân Lợi	Khó khăn
94	43	09	Huyện Hớn Quản	11	Xã Tân Quan	Khó khăn
95	43	09	Huyện Hớn Quản	12	Xã Thanh An	ĐBKK
96	43	09	Huyện Hớn Quản	13	Xã Thanh Bình	Khó khăn
97	43	10	Huyện Bù Gia Mập	01	Xã Bình Thắng	ĐBKK
98	43	10	Huyện Bù Gia Mập	02	Xã Bù Gia Mập	ĐBKK
99	43	10	Huyện Bù Gia Mập	03	Xã Đăk Ô	ĐBKK
100	43	10	Huyện Bù Gia Mập	04	Xã Đa Kia (trước 28/4/2017)	Khó khăn
101	43	10	Huyện Bù Gia Mập	05	Xã Đức Hạnh	ĐBKK
102	43	10	Huyện Bù Gia Mập	06	Xã Phú Nghĩa	Khó khăn
103	43	10	Huyện Bù Gia Mập	07	Xã Phú Văn	ĐBKK
104	43	10	Huyện Bù Gia Mập	08	Xã Phước Minh	ĐBKK
105	43	10	Huyện Bù Gia Mập	09	Xã Đa Kia (từ ngày 28/4/2017)	ĐBKK
106	43	11	Huyện Phú Riềng	01	Xã Phước Tân	Khó khăn
107	43	11	Huyện Phú Riềng	02	Xã Bình Sơn	Khó khăn
108	43	11	Huyện Phú Riềng	03	Xã Bình Tân	Khó khăn
109	43	11	Huyện Phú Riềng	04	Xã Bù Nho	Khó khăn
110	43	11	Huyện Phú Riềng	05	Xã Long Bình	Khó khăn
111	43	11	Huyện Phú Riềng	06	Xã Long Hà	ĐBKK
112	43	11	Huyện Phú Riềng	07	Xã Long Hưng	Khó khăn
113	43	11	Huyện Phú Riềng	08	Xã Long Tân	ĐBKK
114	43	11	Huyện Phú Riềng	09	Xã Phú Riềng	ĐBKK
115	43	11	Huyện Phú Riềng	10	Xã Phú Trung	ĐBKK
116	43	01	Thành phố Đồng Xoài	01	Phường Tân Bình	Khó khăn
117	43	01	Thành phố Đồng Xoài	02	Phường Tân Đồng	Khó khăn

118	43	01	Thành phố Đồng Xoài	03	Phường Tân Phú	Khó khăn
119	43	01	Thành phố Đồng Xoài	04	Phường Tân Thiện	Khó khăn

PHỤ LỤC IX

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH ngày của Sở GDĐT)

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

SỞ GDĐT.....

MÃ SỐ:

4 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì KHÔNG PHẢI khai Phiếu này.
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 02 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở bên trái)

Ngày Tháng Năm

3. Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố):

4. Dân tộc (Ghi bằng chữ):

5. Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân số (Ghi mỗi số vào một ô)

6. Thí sinh tự do (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu là thí sinh tự do)

7. Mã số định danh trên CSDL toàn ngành

B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

8. Điểm trung bình cả năm lớp 12:

9. Xếp loại cuối năm lớp 12: Hạnh kiểm:..... Học lực:.....

10. Hình thức giáo dục phổ thông: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng) THPT GDTX

Đối với hình thức GDTX, ghi rõ năm hoàn thành chương trình GDTX cấp THPT

11. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu thuộc đối tượng miễn thi tốt nghiệp)

12. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Chứng nhận nghề hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp, xếp loại :....., điểm cộng:

- Đoạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải, điểm cộng:.....;

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải, điểm cộng:.....

- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ:, điểm cộng:

- Chứng chỉ tin học trình độ:, điểm cộng:

- Tổng điểm được cộng thêm :, (không quá 04 điểm)

13. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp (Ghi kí hiệu theo diện hướng dẫn):

C. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Học bạ:..... Có không

2. Giấy khai sinh (bản sao):..... Có không

3. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao):.. Có không

- | | | | | |
|--|----|--------------------------|-------|--------------------------|
| 4. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 5. Chứng chỉ để miễn thi ngoại ngữ:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 6. Giấy chứng nhận nghề:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 7. Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi:.... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 8. Chứng chỉ ngoại ngữ (<i>GDTX</i>): | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 9. Chứng chỉ tin học (<i>GDTX</i>):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 10. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 11. Giấy tờ khác (nếu có):..... | | | | |

D. CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.
Ngày tháng năm 2021.

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2021

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐKDT

(Ký tên và đóng dấu)

.....
.....

Mặt sau:

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là diện bình thường.

Ký hiệu: D1

2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. *Ký hiệu: D2-TB2*

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. *Ký hiệu: D2-CAH*

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: D2-TS2

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2/3 (hai phần ba) thời gian học cấp THPT. *Ký hiệu: D2-VS2*

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, di tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học. *Ký hiệu: D2-CHH*

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

Ký hiệu: D2-T35

3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương. *Ký hiệu: D3-TS3*

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX). *Ký hiệu: D3-TB3*

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. *Ký hiệu: D3-CLS*

* *Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

* *Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

* *Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.*

3. Được cấp Giấy chứng nhận nghề (CCN) hoặc có Bằng tốt nghiệp trung cấp (BTC):

- Loại giỏi (CCN)/loại xuất sắc và giỏi (BTC): 2,0 điểm.

- Loại khá (CCN)/loại khá và trung bình khá (BTC): 1,5 điểm.

- Loại trung bình: 1,0 điểm.

4. Học viên GDTX có chứng chỉ Ngoại ngữ A hoặc bậc 1 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên; chứng chỉ Tin học A hoặc chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên: được cộng thêm 1,0 điểm cho mỗi loại chứng chỉ.

* *Điểm khuyến khích tối đa của các mục 1,2,3,4 trên không quá 4,0 điểm.*

* *Điểm khuyến khích quy định của các mục 1,2,3,4 trên được bảo lưu trong toàn cấp học./.*

III. LƯU Ý: Thí sinh tự do tại Mục 6 là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi; Mục 7 trên phiếu đăng ký chỉ dành cho thí sinh đang học lớp 12 trong năm tổ chức thi, “Mã số định danh trên CSDL toàn ngành” do các trường phổ thông cung cấp.

PHỤ LỤC X

**MẪU ĐƠN XÁC NHẬN BẢO LƯU ĐIỂM THI ĐỀ XÉT
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH ngày của Sở GDĐT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN XÁC NHẬN BẢO LƯU ĐIỂM THI
ĐỀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021**

Kính gửi:

Tôi tên:

Ngày sinh:.....

Nơi sinh:

Nay làm đơn này kính đề nghị xác nhận điểm
bảo lưu Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, cụ thể như sau:

Tên bài thi/môn thi thành phần bảo lưu	Điểm thi
Toán	
Ngữ văn	
Ngoại ngữ	
Bài thi KHTN	
Bài thi KHXH	
Vật lí	
Hóa	
Sinh	
Sử	
Địa	
GDCD	

Lý do: Bổ sung vào hồ sơ đăng ký xét tốt nghiệp THPT năm 2021

Xin chân thành cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng/Giám đốc

Người làm đơn

Phụ lục XI

MẪU ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ

(Kèm theo Công văn số: _____ /SGDDĐT-GDTrH ngày _____ của Sở GDĐT)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ...
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP THPT**

**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC COI THI**

Mã Điểm thi:..... Tên Điểm thi:.....

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao (*)	Mẫu chữ ký (Lần 1)	Mẫu chữ ký (Lần 2)

THƯ KÝ ĐIỂM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2021
TRƯỞNG ĐIỂM THI
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)